

Bản án số: 32/2022/DS-PT

Ngày: 21- 02-2022

V/v Tranh chấp dân sự về đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Phước Hưng;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp dân sự về đòi tài sản”

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân thành phố CĐ, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 123 Thủ Khoa Nghĩa, tổ 3, khóm 3, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hùng T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 14, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 86/CTCK Quyền số 01-SCT/CK, ĐC ngày 10/6/2020 do UBND thị trấn AP, huyện AP lập).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 123 Thủ Khoa Nghĩa, tổ 3, khóm 3, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn T3.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Ông làm nghề xưởng tiện từ trước năm 1975. Gia đình ông cũng có một Cơ sở gia công cơ khí tọa lạc số 217, Trường Đua, khóm 7, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Đất nhà xưởng là của cha mẹ, nên giấy phép kinh doanh trước đây do mẹ ông (M) đứng tên, nhưng thực tế mọi hoạt động kinh doanh là do ông trực tiếp quản lý. Quá trình kinh doanh tại xưởng, ông có mua thiết bị máy móc phế liệu về chế tạo lại, một số ông mua máy cũ của người khác. Nguyễn Văn T3 là em ruột cùng làm chung với ông trong nhà xưởng. Đến năm 2016, do lớn tuổi nên bà M để Nguyễn Văn T3 đứng tên Giấy phép kinh doanh, việc T3 đứng tên kinh doanh là trên danh nghĩa, thực tế toàn bộ máy móc, thiết bị đều do ông bỏ tiền ra mua để phục vụ công việc kinh doanh.

Đến giữa năm 2019, ông T3 lợi dụng việc đứng tên kinh doanh đuổi ông ra khỏi cơ sở kinh doanh, chiếm giữ hết tất cả các máy móc, thiết bị đồ nghề kinh doanh của ông gồm nhà xưởng và 26 thiết bị máy móc. Do đó, ông yêu cầu ông T3 trả lại nhà xưởng (N 19.6m x d42m, N24m x d11m) và các thiết bị máy móc như sau:

- Thiết bị tự chế: Máy cuốn 3 trục 1.55m x 1 cái; Máy cuốn 3 trục 3.2m x 1 cái (chỉ có 3 trục); Máy cuốn thép hình 3 trục x 2 cái; Máy ép T6 lực x 1 cái;

- Thiết bị đã qua sử dụng: Máy cuốn 3 trục 2.2m; Máy cắt liên hợp VNSX; Máy bao ngang; Kéo cắt đột bằng tay; Máy cắt liên hợp; Máy phát điện làm xăng; Máy phát điện dầu cũ; Máy phát điện dầu cũ; Cổng trục 5 tấn; Máy khoan bàn 13 cái; Máy dập cơ 2 cái; Máy hàn điện 650A; Máy hàn điện 500A; Máy hàn điện cơ 8 cái; Máy hàn điện Míc 350A; Máy cắt Plasma 60A; Máy hàn Inverter 350A; Máy tiện 2.5m; Máy tiện 1.8m; Máy tiện 2.7m; Máy tiện 1.6m; Máy phay 0.9m; Bàn ép T6 lực tay; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ; Máy bơm 5HP.

Ngày 27/4/2021, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nhà xưởng.

Chứng cứ ông T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình:

- Giấy xác nhận của Bành Quốc M, Phạm Trung C, Nguyễn Quốc B, Nguyễn Quốc T4, Huỳnh Văn L, Võ Văn T5, Huỳnh Văn B2, Lưu Tân Đ, Nguyễn Trung T6, Nguyễn Thành Đ, Thái Văn M, Cửa hàng Dũng – Sĩ (Bản photo);

- Bản ý kiến của T6, T7, T8, S, L ngày 26/4/2021;

- Cung cấp hình ảnh các thiết bị, máy móc tại thời điểm ông T và ông T3 phát sinh mâu thuẫn; hình ảnh thiết bị máy móc tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T3 trình bày:

Ông là chủ cơ sở kinh doanh tên Nguyễn Văn T3, địa chỉ tại số 217, Trường Đua, khóm 7, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh số 52B8011306 ngày 04/01/2016 do Phòng Tài chính kế hoạch thành phố CD cấp.

Ông là người quản lý và điều hành hộ kinh doanh này do mẹ ông đứng tên từ năm 1998. Đến năm 2016, do mẹ già sức yếu nên mẹ ông cho ông toàn bộ cơ sở kinh doanh này, mẹ ông đồng ý thay đổi giấy phép kinh doanh qua tên ông. Ông đã kinh doanh ổn định, không tranh chấp với ai, chấp hành nghĩa vụ nộp Thuế đầy đủ.

Trong thời gian ông kinh doanh, ông có cho anh ruột là Nguyễn Văn T vào cơ sở ông mượn máy móc, thiết bị để làm, vì ông T có nhận đồ bên ngoài gia công. Đến ngày 03/6/2019 ông không cho ông T vào làm nữa với lý do ông T có hành động gây khó khăn cho ông và các anh em thợ của ông.

Các tài sản trong xưởng là của mẹ ông cho, ông yêu cầu ông T xuất trình các chứng từ hóa đơn hợp pháp chứng minh tài sản của ông T. Do đó, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Nguyễn Văn T3 cung cấp chứng cứ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52B8011306 ngày 04/01/2016 do Phòng Tài chính kế hoạch thành phố CD cấp cho Nguyễn Văn T3 (Bản phô tô);
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52B8013832 ngày 04/6/2019 do Phòng Tài chính kế hoạch thành phố CD cấp cho Nguyễn Văn T (Bản phô tô);
 - Biên lai T7 thuê sử dụng đất phi nông nghiệp của Nguyễn Thị M4 ((Bản phô tô);
 - Hóa đơn tiền điện của Nguyễn Thị M4 (Bản phô tô);
 - Giấy xác nhận địa điểm kinh doanh hợp pháp của Nguyễn Văn T3 ngày 26/6/2019 (có xác nhận của UBND phường CP A) (Bản phô tô);
 - Tường trình về việc ông Nguyễn Văn T hủy hoại tài sản ngày 06/6/2019 ((Bản phô tô);
 - Biên bản hòa giải ban khóm 7 giữa Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T ngày 27/6/2019 (Bản phô tô);
 - Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (Bản phô tô);
- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có T7 thập chứng cứ:
- Xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.
 - + Về xem xét, thẩm định tại chỗ: Các thiết bị theo bản kê khai do ông T cung cấp và yêu cầu định giá thể hiện thiếu một số thiết bị được nêu và không có, cụ thể: Số 14, số 24, số 25; đối với số thứ tự 09 (thiếu 5 tấm 02 mô tô chạy rây);
 - + Biên bản định giá ngày 15/9/2020 như sau:
- Thiết bị tự chế gồm có:
1. Máy cuốn 3 trục 1.55m x 1 cái, giá: 16.000.000đ;
 2. Máy cuốn 3 trục 3.2m x 1 cái (chỉ có 3 trục), giá: 6.000.000đ;

3. Máy cuộn thép hình 3 trục x 2 cái, giá: 24.000.000đ;
 4. Máy ép T6 lực x 1 cái, giá: 12.000.000đ;
- Thiết bị đã qua sử dụng gồm có:
1. Máy cuộn 3 trục 2.2m cũ, giá: 16.000.000đ;
 2. Máy cắt liên hợp VNSX, giá: 16.000.000đ;
 3. Máy bao ngang cũ, giá: 11.000.000đ;
 4. Kéo cắt đột bằng tay cũ, giá: 2.400.000đ;
 5. Máy cắt liên hợp cũ, giá: 16.000.000đ;
 6. Máy phát điện làm xăng cũ, giá: 4.800.000đ
 7. Máy phát điện dầu cũ, giá: 4.800.000đ;
 8. *Máy phát điện dầu cũ*: Không có;
 9. *Cổng trục 5 tấn cũ*: Thiếu linh kiện nên không định giá được;
 10. Máy khoan bàn 13 cái cũ, giá: 9.000.000đ, có 6 máy;
 11. Máy dập cơ 2 cái cũ, giá: 40.000.000đ;
 12. Máy hàn điện 650A cũ, giá: 4.000.000đ;
 13. Máy hàn điện 500A cũ, giá: 3.000.000đ;
 14. *Máy hàn điện cơ 8 cái cũ*: Không có;
 15. *Máy hàn điện Míc 350A cũ*: Không có;
 16. *Máy cắt Plasma 60A*: Không có;
 17. Máy hàn Inverter 350A, giá: 5.000.000đ;
 18. Máy tiện 2.5m cũ, giá: 15.000.000đ;
 19. Máy tiện 1.8m cũ, giá: 10.000.000đ;
 20. Máy tiện 2.7m cũ, giá: 5.000.000đ;
 21. Máy tiện 1.6m cũ, giá: 5.000.000đ;
 22. Máy phay 0.9m cũ, giá: 3.000.000đ;
 23. Bàn ép T6 lực tay, giá: 2.000.000đ, có 2 cái;
 24. *Máy cắt sắt rời điện*: Không có;
 25. *Máy cắt sắt rời điện cũ*: Không có;
 26. Máy bơm 5HP, giá: 1.500.000đ;
 27. Nhà xưởng N 19.6m x d42m, N 24m x d 11m 746.415.000;
- Đơn giá: 2.619.000 đồng/m²;
 - Tỷ lệ chất lượng còn lại: 50%;
 - Diện tích: 570 m².

(Theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang).

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 977.915.000 đồng.

- Những người làm chứng có lời khai như sau:

+ Bản ý kiến ngày 26/4/2021 của Nguyễn Thị T7 T6, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Thị Bạch T8, Nguyễn Văn L cùng xác định: các ông bà là anh chị em ruột của ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T3. Tất cả các máy móc mà ông Nguyễn Văn T khởi kiện là tài sản riêng của ông T, không phải là di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Ngoài ra, bà T7, bà T6, bà T8, ông S, ông L có lời khai tại Tòa xác định, Thiện và Tuấn, người nào chứng minh được tài sản thuộc sở hữu của mình thì trả cho người đó.

+ Nguyễn Hoàng S xác định bán cho ông T 01 máy phát điện K15 năm 2009, giá 6.000.000 đồng; Nguyễn Đức B6 bán cho ông T cổng trục 5 tấn và thiết bị kèm theo, giá 120.000.000 đồng vào tháng 2/2019; Huỳnh Văn B2 có biết xí nghiệp có thanh lý cho ông T: 01 máy cuốn 3 trục dài 2,2m, 01 máy cắt liên hợp của Việt Nam, động cơ 5 HP, 01 máy bào ngang; Phạm Trung C có bán cho Thiện: Máy khoan không rõ số lượng, 02 máy dập cơ, 01 máy tiện dài khoảng 1,6m; Bành Quốc M có bán cho Thiện: 01 máy hàn điện Mic 350A; 01 máy hàn Inverter 350, 01 máy cắt Plasma.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn Nguyễn Văn T rút phần yêu cầu khởi kiện đối với Nhà xưởng (N 19.6m x d42m, N 24m x d 11m); các thiết bị, máy móc gồm: Máy phát điện dầu cũ; Cổng trục 5 tấn cũ; Máy hàn điện cơ 8 cái cũ; Máy hàn điện Mic 350A cũ; Máy cắt Plasma 60A; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ. Các thiết bị, máy móc khác giữ nguyên yêu cầu đòi ông T3 trả lại.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân thành phố CD, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T;

Buộc ông Nguyễn Văn T3 trả cho ông Nguyễn Văn T các tài sản sau:

+ Thiết bị tự chế: 01 Máy cuốn 3 trục 1.55m; 01 Máy cuốn 3 trục 3.2m (chỉ có 3 trục); 02 Máy cuốn thép hình 3 trục; 01 Máy ép T6 lực.

+ Thiết bị đã qua sử dụng: 01 Máy cuốn 3 trục 2.2m cũ; 01 Máy cắt liên hợp VNSX; 01 Máy bào ngang cũ; 01 Máy phát điện dầu cũ (K15); Máy khoan bàn (6 cái); 02 Máy dập cơ cũ; 01 Máy hàn Inverter 350A; 01 Máy tiện 1.6m cũ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 trả các tài sản sau: Kéo cắt đột bằng tay cũ; Máy cắt liên hợp cũ; Máy phát điện làm xăng cũ; Máy hàn điện 650A cũ; Máy hàn điện 500A cũ; Máy

tiện 2.5m cũ; Máy tiện 1.8m cũ; Máy tiện 2.7m cũ; Máy phay 0.9m cũ; Bàn ép T6 lực tay (2 cái); Máy bơm 5HP.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với: Nhà xưởng (N 19.6m x d42m, N 24m x d 11m); các thiết bị, máy móc gồm: Máy phát điện dầu cũ; Cổng trục 5 tấn cũ; Máy hàn điện cơ 8 cái cũ; Máy hàn điện Míc 350A cũ; Máy cắt Plasma 60A; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày ngày 11 tháng 11 năm 2021, ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T.

Ngày 12/11/2021 ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Ông T yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Viện kiểm sát không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu như ở cấp sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48, 285, Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, sự có mặt của thành viên phân hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử và thủ tục phiên tòa.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đơn kháng cáo của ông T3, ông T nộp trong thời hạn luật định, có nội dung rõ ràng, nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

Về nội dung tranh chấp như án sơ thẩm đã nêu.

Theo lời khai của những người làm chứng như: ông Nguyễn Hoàng S, ông Nguyễn Đức B6, ông Huỳnh Văn B2, ông Phạm Trung C, ông Bàn Quốc M phù

hợp với lời khai của chị, em ruột của các đương sự gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T6, ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Văn L; kết quả thẩm định tại chỗ và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T, buộc bị đơn Nguyễn Văn T3 trả lại các tài sản như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T và kháng cáo của ông T3.

Do đó, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T3; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố CD.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T3 phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T3: Bản án dân sự sơ thẩm được tuyên án ngày 29 tháng 10 năm 2021, khi xét xử có mặt ông T, ông T3, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt Bản án cho các đương sự theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Nguyễn Văn T3 đều có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo vào ngày 11/11/2021, ông T kháng cáo vào ngày 12/11/2021. Xét thấy, đơn kháng cáo của ông T3, ông T nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật, ông T3 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, ông T thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ông Lương Tường H9, là Luật sư Công ty TNHH MTV AG, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang chỉ tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T3 trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nên Tòa án không thông báo cho Luật sư Lương Tường H9 tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Nguyễn Văn T khởi kiện cho rằng các tài sản do ông T3 đang quản lý như nội dung của án sơ thẩm đã nêu là của ông T mua sắm, ông T yêu cầu ông T3 trả lại, Tòa án nhân dân thành phố CD thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là đúng quy định.

[2.2] Do các tài sản ông T yêu cầu ông T3 trả lại hiện do ông T3 đang quản lý, nên việc yêu cầu ông T3 trả lại tài sản là các thiết bị máy móc mà ông T cho rằng thuộc quyền sở hữu của ông thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh tài sản đó thuộc sở hữu của mình.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông T có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu đòi với nhà xưởng và các tài sản mà qua xem xét, thẩm định thực tế các tài sản này không còn, không xác định những tài sản này do ai đang quản lý gồm: Nhà xưởng (N 19.6m x d42m, N 24m x d 11m); các thiết bị, máy móc gồm: Máy phát điện dầu cũ; Cổng trục 5 tấn cũ; Máy hàn điện cơ 8 cái cũ; Máy hàn điện Mic 350A cũ; Máy cắt Plasma 60A; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ. Do đó cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đòi với phần yêu cầu này là có căn cứ.

Đôi với các số tài sản gồm có:

- Thiết bị tự chế: Máy cuốn 3 trục 1.55m x 1 cái; Máy cuốn 3 trục 3.2m x 1 cái (chỉ có 3 trục); Máy cuốn thép hình 3 trục x 2 cái; Máy ép T6 lực x 1 cái;

- Thiết bị đã qua sử dụng: Máy cuốn 3 trục 2.2m; Máy cắt liên hợp VNSX; Máy bao ngang; Kéo cắt đột bằng tay; Máy cắt liên hợp; Máy phát điện làm xăng; Máy phát điện dầu cũ; Máy phát điện dầu cũ; Cổng trục 5 tấn; Máy khoan bàn 13 cái; Máy dập cơ 2 cái; Máy hàn điện 650A; Máy hàn điện 500A; Máy hàn điện cơ 8 cái; Máy hàn điện Mic 350A; Máy cắt Plasma 60A; Máy hàn Inverter 350A; Máy tiện 2.5m; Máy tiện 1.8m; Máy tiện 2.7m; Máy tiện 1.6m; Máy phay 0.9m; Bàn ép T6 lực tay; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ; Máy bơm 5HP.

Xét thấy, nguyên đơn có cung cấp các giấy xác nhận thể hiện việc nguyên đơn có mua các thiết bị, máy móc cũ về chế tạo lại sử dụng kinh doanh. Tại các biên bản ghi lời khai, những người làm chứng như: ông Nguyễn Hoàng S xác nhận có bán cho Thiện 01 máy phát điện K15 năm 2009, giá 6.000.000 đồng; ông Nguyễn Đức B6 xác nhận có bán cho ông T cổng trục 5 tấn và thiết bị kèm theo, giá 120.000.000 đồng vào tháng 2/2019; ông Huỳnh Văn B2 xác nhận Be và ông T cùng làm chung tại Xí nghiệp cơ khí CD, biết Xí nghiệp có thanh lý cho ông T: 01 máy cuốn 3 trục dài 2,2m; 01 máy cắt liên hợp của Việt Nam, động cơ 5 HP; 01 máy bào ngang; ông Phạm Trung C xác nhận năm 2012, có bán cho Thiện: Máy khoan không rõ số lượng; 02 máy dập cơ; 01 máy tiện dài khoảng 1,6m; ông Bành Quốc M xác nhận năm 2015, bán cho Thiện: 01 máy hàn điện Mic 350A; 01 máy hàn Inverter 350; 01 máy cắt Plasma.

Xét lời khai của những người làm chứng có bán các thiết bị máy móc cho ông T phù hợp với các giấy xác nhận do ông T cung cấp, phù hợp với lời khai của các anh chị em ruột của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T3 là bà Nguyễn Thị T7 T6, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Thị Bạch T8, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn L. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, qua xem các thiết bị máy móc qua ảnh chụp do ông T cung cấp, ông L xác định các thiết bị máy móc này là của ông T, vì L thường vào xưởng mượn thiết bị, máy móc để gia công, khi cần mượn thiết bị nào thì hỏi

mượn người đó, thiết bị của Tuấn thì hỏi Tuấn, thiết bị của Thiện thì hỏi Thiện, thiết bị của cha mẹ thì L không cần hỏi.

Qua xem xét các chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định ông T có mua một số thiết bị, máy móc cũ về sửa chữa, chế tạo lại để kinh doanh nghề cơ khí. Ông T đã chứng minh được quyền sở hữu của mình (mua hợp pháp của người khác). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T đối với các tài sản gồm: Thiết bị tự chế: 01 Máy cuốn 3 trục 1.55m; 01 Máy cuốn 3 trục 3.2m (chỉ có 3 trục); 02 Máy cuốn thép hình 3 trục; 01 Máy ép T6 lực; thiết bị đã qua sử dụng: 01 Máy cuốn 3 trục 2.2m cũ; 01 Máy cắt liên hợp VNSX; 01 Máy bao ngang cũ; 01 Máy phát điện dầu cũ (K15); Máy khoan bàn (6 cái); 02 Máy dập cơ cũ; 01 Máy hàn Inverter 350A; 01 Máy tiện 1.6m cũ) là có căn cứ.

[2.3]. Đối với ông Nguyễn Văn T3 cho rằng ông là người quản lý toàn bộ các thiết bị, máy móc trong xưởng, các tài sản này có một số tài sản là được mẹ ông cho, một số tài sản là do ông mua sắm, tạo nên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T3 là đúng quy định.

[2.4]. Đối với các tài sản còn lại gồm: Kéo cắt đột bằng tay cũ; Máy cắt liên hợp cũ; Máy phát điện làm xăng cũ; Máy hàn điện 650A cũ; Máy hàn điện 500A cũ; Máy tiện 2.5m cũ; Máy tiện 1.8m cũ; Máy tiện 2.7m cũ; Máy phay 0.9m cũ; Bàn ép T6 lực tay (2 cái); Máy bơm 5HP), ngoài việc cung cấp giấy xác nhận có mua tài sản trên (Bản phô tô), ông T không còn chứng cứ nào khác để chứng minh các tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông, nên không có cơ sở chấp nhận các máy móc, thiết bị này thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T.

[2.5]. Ông T3, ông T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông T3, ông T không cung cấp thêm được những tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho trình bày của mình, nên kháng cáo của ông T3 và kháng cáo của ông T là không cơ sở xem xét.

[2.6]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Tuấn và kháng cáo của ông T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án thành phố CD, tỉnh An Giang.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T3 không được chấp nhận, nên ông T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với ông T lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo của ông không được chấp nhận, tuy nhiên xét ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, ông T có đơn xin miễn án phí nên hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3 và kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

- Giữ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang. Cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T;

Buộc ông Nguyễn Văn T3 trả cho ông Nguyễn Văn T các tài sản sau:

- Thiết bị tự chế: 01 Máy cuốn 3 trục 1.55m; 01 Máy cuốn 3 trục 3.2m (chỉ có 3 trục); 02 Máy cuốn thép hình 3 trục; 01 Máy ép T6 lực.

- Thiết bị đã qua sử dụng: 01 Máy cuốn 3 trục 2.2m cũ; 01 Máy cắt liên hợp VNSX; 01 Máy bao ngang cũ; 01 Máy phát điện dầu cũ (K15); Máy khoan bàn (6 cái); 02 Máy đập cơ cũ; 01 Máy hàn Inverter 350A; 01 Máy tiện 1.6m cũ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 trả các tài sản sau: Kéo cắt đột bằng tay cũ; Máy cắt liên hợp cũ; Máy phát điện làm xăng cũ; Máy hàn điện 650A cũ; Máy hàn điện 500A cũ; Máy tiện 2.5m cũ; Máy tiện 1.8m cũ; Máy tiện 2.7m cũ; Máy phay 0.9m cũ; Bàn ép T6 lực tay (2 cái); Máy bơm 5HP.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với: Nhà xưởng (N 19.6m x d42m, N 24m x d 11m); các thiết bị, máy móc gồm: Máy phát điện dầu cũ; Công trục 5 tấn cũ; Máy hàn điện cơ 8 cái cũ; Máy hàn điện Míc 350A cũ; Máy cắt Plasma 60A; Máy cắt sắt rửa điện; Máy cắt sắt rửa điện cũ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

- Ông Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.990.000đ (bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T;

- Ông Nguyễn Văn T3 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang. Ông T3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố CĐ;
- VKSND thành phố CĐ;
- Chi cục THADS thành phố CĐ;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA,
Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Sơn